



## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023**



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán**  
**Chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

38/GCN-UBCK cấp ngày 27 tháng 2 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập**  
**Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở**

43/GCN-UBCK cấp ngày 22 tháng 4 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở đã được điều chỉnh bởi Giấy Chứng nhận Điều chỉnh Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không giới hạn.

**Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ**

241/QĐ-SGDHCM cấp ngày 7 tháng 5 năm 2020

Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ được cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ban Đại diện Quỹ**

Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch
Bà Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên
Bà Trần Ngọc Hân	Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngõ Đức Kế  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê  
*Chủ tịch*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 181, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam cam kết rằng Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



## **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**

### **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

#### **1. Thông tin chung về Quỹ**

##### **a. Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ phù hợp với Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

##### **b. Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tính đến cuối kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 4,55% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022; trong khi giá trị của danh mục của chứng khoán cơ cấu tăng 16,21% và chỉ số tham chiếu tăng 14,92% so với đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

##### **c. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

##### **d. Phân loại Quỹ**

Quỹ thuộc loại quỹ Hoán đổi danh mục (“quỹ ETF”).

##### **e. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Không có.

##### **f. Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Trung bình.

##### **g. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 4 năm 2020 và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 7 tháng 5 năm 2020 với mã chứng khoán là FUEVFNVD.



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**h. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 665.100.000 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 25.953,08 VND.

**i. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số tham chiếu của Quỹ là chỉ số VN DIAMOND.

**j. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Theo quy định của Điều lệ Quỹ hiện tại, Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND không phân phối lợi nhuận để hạn chế tối đa chi phí phát sinh cho nhà đầu tư. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ trong quá trình hoạt động sẽ được tái đầu tư để gia tăng giá trị tài sản của Quỹ.

**k. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ**

Không có.

**2. Số liệu hoạt động**

**a. Cơ cấu tài sản quỹ**

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
Danh mục chứng khoán	99,79%	98,70%	99,58%
Tài sản khác	0,21%	1,30%	0,42%
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

**b. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2021
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	17.261.394.813.137	18.083.580.873.093	13.791.745.107.213
Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	665.100.000	809.700.000	489.800.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	25.953,08	22.333,68	28.157,91
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	27.830,51	31.109,56	28.914,11
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	21.759,12	18.802,29	16.585,33

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	26.440	22.400	28.050
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	27.830	32.250	28.800
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	21.700	19.100	16.740
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	16,21	(20,68)	65,89
▪ Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	10,61	(24,54)	38,12
▪ Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	5,60	3,85	27,77
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
Ngày chốt quyền	Không có	Không có	Không có
Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm (%)	1,04	1,09	1,14
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	27,55	18,75	38,99

**c. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

<b>Giai đoạn</b>	<b>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)</b>	<b>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)</b>
1 năm	16,21	16,21
3 năm	52,90	15,22
Từ khi thành lập	159,53	28,76
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

**d. Tăng trưởng hàng năm**

<b>Thời kỳ</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>31/12/2021</b>
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	16,21	(20,68)	65,89



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **3. Mô tả thị trường trong năm 2023**

VNINDEX tăng 3,3% trong tháng 12, đóng cửa tại mức 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình của VN-Index trong năm 2023 là hơn 15.237 tỷ VND, tăng 1,6% so với năm 2022.

Những điểm chính của thị trường trong năm 2023:

- (i) Tâm lý nhà đầu tư cá nhân đã được cải thiện sau sự suy yếu của chỉ số USD Index (“DXY”) và Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (“FED”) cho thấy dấu hiệu của việc kết thúc chu kỳ tăng lãi suất.
- (ii) Các cổ phiếu nhóm mid-cap có hệ số beta cao đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng.
- (iii) Ngân hàng nhà nước cắt giảm lãi suất để mở rộng chính sách tiền tệ.
- (iv) Luật Nhà ở được thông qua đã mang lại lợi ích tích cực cho các doanh nghiệp bất động sản.

### **4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ**

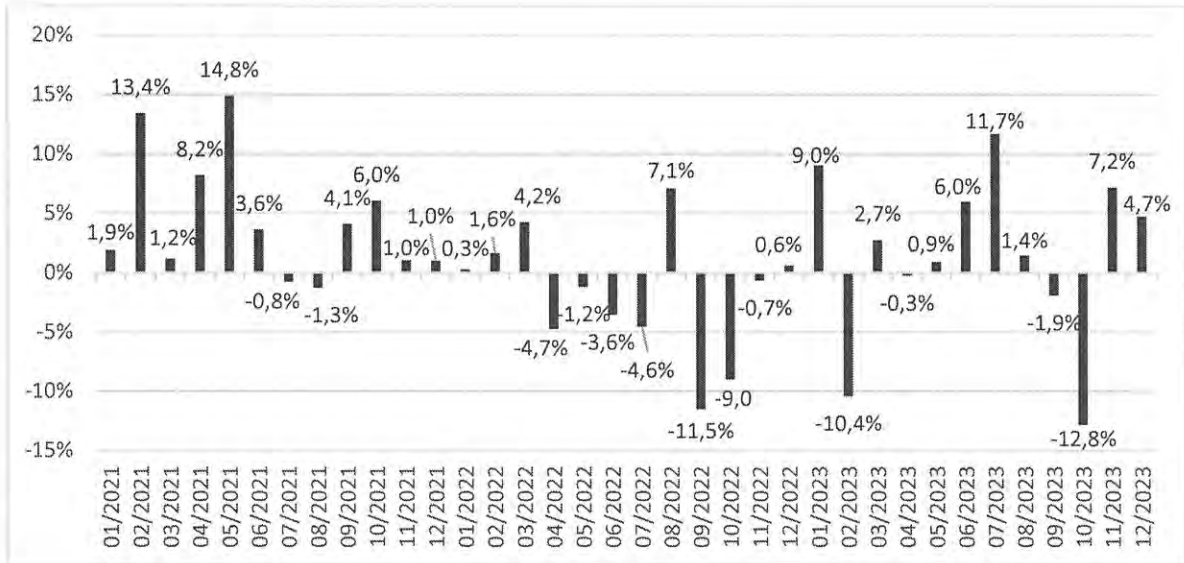
#### **a. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</b>	<b>3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)</b>	<b>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</b>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	5,60	35,59	61,08
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	10,61	17,31	98,45
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	16,21	52,90	159,53
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	16,21	15,22	28,76
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	16,21	52,90	159,53
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	18,04	53,72	151,81



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

- Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất như sau:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2023 (1)	31/12/2022 (2)	Tỷ lệ thay đổi (3)=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	17.261.394.813.137	18.083.580.873.093	(4,55%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	25.953,08	22.333,68	16,21%

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động nhưng vẫn ghi nhận sự tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND có sự rút vốn của các nhà đầu tư nên NAV của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND có mức giảm nhẹ.



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**b. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	4.442	4.355.992	0,65
Từ 5.000 đến 10.000	355	2.399.379	0,36
Từ 10.000 đến 50.000	295	5.940.823	0,89
Từ 50.000 đến 500.000	104	15.927.870	2,39
Từ 500.000 trở lên	50	636.475.936	95,70
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.246</b>	<b>665.100.000</b>	<b>100,00</b>

**c. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ quy định tất cả các nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong năm, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

GDP năm 2023 tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Các nền kinh tế lớn trên thế giới vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc khôi phục tăng trưởng, trong khi tiêu dùng toàn cầu vẫn chưa cho thấy sự phục hồi rõ rệt. Xu hướng này được dự đoán sẽ tiếp tục trong 3 đến 6 tháng tới, đặc biệt trong bối cảnh mức lãi suất vẫn duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, các nền kinh tế lớn đang ở các chu kỳ kinh tế khác nhau (Châu Âu chậm lại, Trung Quốc mở cửa), nên Việt Nam với thị trường xuất khẩu ngày càng đa dạng có thể được hưởng lợi từ điều này. Chúng tôi dự đoán xuất khẩu của Việt Nam sẽ tăng trưởng 8-10% trong năm 2024, tương đương tốc độ trung bình trong giai đoạn hồi phục. Hiệu ứng từ các hiệp định thương mại và việc củng cố các quan hệ song phương gần đây, bao gồm việc nâng cấp quan hệ ngoại giao với Nhật Bản lên mức cao nhất “Đối tác chiến lược toàn diện” trong tháng 11, sẽ là động lực thúc đẩy trong việc cải thiện dòng chảy thương mại hàng hóa và thiết lập chuỗi cung ứng tại Việt Nam.

**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ như sau:

	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Nhân sự điều hành Quỹ	Luong Thị Mỹ Hạnh	Giám đốc quản lý tài sản, khối trong nước	Thạc sỹ Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2010 đến ngày 12/3/2021: Phó Tổng Giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam</li> <li>- Từ ngày 12/3/2021 đến nay: Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam</li> </ul>
	Vũ Đức Sĩ	Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư	Thạc sỹ Toán giải tích và ứng dụng, Thạc sỹ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2010 đến năm 2015: Chuyên viên cao cấp phân tích đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam</li> <li>- Từ năm 2016 đến năm 2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam</li> <li>- Từ tháng 1/2021 đến nay Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam</li> </ul>
Ban Đại diện Quỹ	Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí</li> <li>- Từ năm 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam</li> </ul>



**Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
	Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 8/2004 đến tháng 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Dệt Minh Thắng</li> <li>- Từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2012: Kiểm toán viên, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán AS</li> <li>- Từ tháng 9/2012 đến 05/2013: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán F&amp;A</li> <li>- Từ 06/2013 đến tháng 9/2016: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Kiểm toán Đại Tín</li> <li>- Từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2019: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán - Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín</li> <li>- Từ tháng 01/2020 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng</li> </ul>
	Trần Ngọc Hân	Thành viên	Thạc sỹ Luật, Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2015 đến nay: Chuyên viên cao cấp Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam</li> </ul>
Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	Beat Schurch	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngày 30/12/2020 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam</li> </ul>

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Ông Beat Schurch  
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung sau đây:

a) Hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ:

- Theo ghi nhận của Ngân hàng Giám sát, tại kỳ định giá ngày 01/02/2023 danh mục đầu tư của Quỹ đã có phát sinh sai lệch so với hạn mức đầu theo quy định, cụ thể:
  - + Nội dung: Danh mục đầu tư của quỹ đã đầu tư 10,00056%, quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (mã chứng khoán: PNJ).
  - + Căn cứ pháp lý tham chiếu: quy định tại khoản 2.a, Điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 3.a, Điều 45 của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: “Danh mục đầu tư của quỹ ETF phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và phải bảo đảm:
    - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ”.
    - + Nguyên nhân: do Quỹ thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư (lệnh hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF).
    - + Tình trạng khắc phục: Quỹ đã hoàn tất khắc phục phát sinh sai lệch vào kỳ định giá ngày 08/02/2023.
  - Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư khác được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Quỹ đã thực hiện phát hành, và hoán đổi Chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

TPHCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Hoàng Thị Quỳnh Hoa**  
Trưởng phòng DVKHTC2

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Bùi Trần Trà Giang**





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 15 đến trang 65.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00310-24-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024

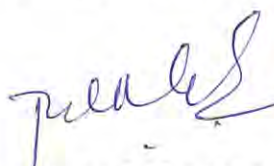


**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****Mẫu số B01 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>3.050.433.372.683</b>	<b>(3.404.591.493.714)</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	14	447.349.855.000	154.228.431.956
1.2	Tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng	03	14	355.897.157	303.449.692
1.3	Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư	04	15	593.948.317.281	898.223.454.690
1.4	Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	16	2.008.779.303.245	(4.457.346.830.052)
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>14.620.374.419</b>	<b>8.391.814.240</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	17	14.620.374.419	8.391.814.240
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>	<b>20</b>		<b>195.702.961.665</b>	<b>166.391.004.558</b>
3.1	Phí quản lý quỹ ETF	20.1	22	150.577.829.773	128.024.481.216
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	20.2	18	5.593.170.768	4.316.632.864
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	22	8.281.780.632	7.041.346.461
3.4	Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	20.4	22	4.140.890.323	3.520.673.237
3.5	Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	20.5		66.000.000	66.000.000
3.6	Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF	20.6	19	26.376.164.716	22.798.342.619
3.7	Chi phí hợp, Đại hội quỹ ETF	20.7		42.258.500	26.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		306.540.960	272.800.000
3.11	Chi phí hoạt động khác	20.11	20	318.325.993	324.728.161
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>	<b>23</b>		<b>2.840.110.036.599</b>	<b>(3.579.374.312.512)</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>2.840.110.036.599</b>	<b>(3.579.374.312.512)</b>
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		831.330.733.354	877.972.517.540
6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	32		2.008.779.303.245	(4.457.346.830.052)
<b>VIII</b>	<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>2.840.110.036.599</b>	<b>(3.579.374.312.512)</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam


Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng Kế toán quỹÔng Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này







**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*


STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 – 300)</b>	<b>400</b>		<b>17.261.394.813.137</b>	<b>18.083.580.873.093</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>12</b>	<b>6.651.000.000.000</b>	<b>8.097.000.000.000</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		11.947.000.000.000	11.058.000.000.000
1.2	Vốn góp hoán đổi lại	413		(5.296.000.000.000)	(2.961.000.000.000)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>12</b>	<b>4.999.716.913.977</b>	<b>7.216.013.010.532</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>13</b>	<b>5.610.677.899.160</b>	<b>2.770.567.862.561</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>12</b>	<b>25.953,08</b>	<b>22.333,68</b>
<b>V</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>31/12/2023 CCQ</b>	<b>31/12/2022 CCQ</b>
<b>4</b>	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành</b>	<b>004</b>	<b>12</b>	<b>665.100.000</b>	<b>809.700.000</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

  
Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

  
Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng Kế toán quỹ

  
Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B03 – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	2023 VND	2022 VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (“NAV”) đầu năm</b>	<b>18.083.580.873.093</b>	<b>13.791.745.107.213</b>
II	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b>	<b>2.840.110.036.599</b>	<b>(3.579.374.312.512)</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	2.840.110.036.599	(3.579.374.312.512)
III	<b>Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ ETF</b>	<b>(3.662.296.096.555)</b>	<b>7.871.210.078.392</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ ETF	2.143.254.396.794	11.717.003.994.387
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ ETF	(5.805.550.493.349)	(3.845.793.915.995)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối năm (IV = I + II + III)</b>	<b>17.261.394.813.137</b>	<b>18.083.580.873.093</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng Kế toán quỹ



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc




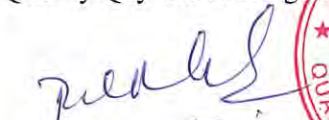
**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023****Mẫu số B04 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2023 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2023 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>17.263.333.319.150</b>	<b>99,79%</b>
1	ACB	37.531.968	23.900	897.014.035.200	5,18%
2	CTG	12.964.736	27.100	351.344.345.600	2,03%
3	FPT	27.714.134	96.100	2.663.328.277.400	15,39%
4	GMD	22.853.950	70.500	1.611.203.475.000	9,31%
5	HDB	15.571.300	20.300	316.097.390.000	1,83%
6	KDH	12.208.192	31.400	383.337.228.800	2,22%
7	MBB	61.533.783	18.650	1.147.605.052.950	6,63%
8	MSB	36.272.987	13.000	471.548.831.000	2,73%
9	MWG	53.657.440	42.800	2.296.538.432.000	13,28%
10	NLG	11.688.988	36.650	428.401.410.200	2,48%
11	OCB	17.579.850	13.300	233.812.005.000	1,35%
12	PNJ	20.321.304	86.000	1.747.632.144.000	10,10%
13	REE	15.240.181	56.800	865.642.280.800	5,00%
14	TCB	48.784.400	31.800	1.551.343.920.000	8,97%
15	TPB	28.339.174	17.400	493.101.627.600	2,85%
16	VIB	29.923.484	19.600	586.500.286.400	3,39%
17	VPB	50.601.116	19.200	971.541.427.200	5,62%
18	VRE	10.615.500	23.300	247.341.150.000	1,43%
<b>V</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Phải thu từ bán chứng khoán đầu tư			13.837.903.250	0,08%
2	Phải thu khác			36.799.980	0,00%
<b>VI</b>	<b>Tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			22.225.901.806	0,13%
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>17.299.433.924.186</b>	<b>100%</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

  
Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

  
Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng Kế toán quỹ



  
Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu số B05 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>2.840.110.036.599</b>	<b>(3.579.374.312.512)</b>
<b>Điều chỉnh cho:</b>	<b>02</b>		
Lãi do việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	02	(375.561.248.542)	(594.215.398.422)
Lãi do việc mua hộ chứng khoán cho các nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư	02	(3.447.319.600)	(7.466.251.545)
Chênh lệch (tăng)/giảm thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	(2.008.779.303.245)	4.457.346.830.052
Chi phí trích trước	04	12.125.995	54.000.000
<b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>	<b>452.334.291.207</b>	<b>276.344.867.573</b>
Tăng các khoản đầu tư	20	(515.531.361.263)	(272.036.601.135)
Giảm/(tăng) phải thu về bán các khoản đầu tư	06	2.664.336.950	(14.830.055.200)
Giảm dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07	-	13.504.668.800
Tăng các khoản phải thu khác	08	(36.799.980)	-
(Giảm)/tăng phải trả về mua chứng khoán đầu tư	10	(105.397.620.000)	105.397.620.000
(Giảm)/tăng phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ	14	(8.988.489.100)	8.988.489.100
Tăng/(giảm) phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	15	13.836.703.250	(3.235.508.687)
(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	16	(80.113.260)	80.113.260
Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	17	811.092.598	4.674.169.464
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>	<b>(160.387.959.598)</b>	<b>118.887.763.175</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	21	21.444.316.794	94.272.019.387
Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	22	(58.570.983.349)	(36.661.520.995)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>	<b>(37.126.666.555)</b>	<b>57.610.498.392</b>
<b>(Giảm)/tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm (40 = 19 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>(197.514.626.153)</b>	<b>176.498.261.567</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu số B05 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>50</b>	<b>219.740.527.959</b>	<b>43.242.266.392</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	52	219.740.527.959	43.242.266.392
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)</b>	<b>55</b>	<b>22.225.901.806</b>	<b>219.740.527.959</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	57	22.225.901.806	219.740.527.959
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>	<b>60</b>	<b>(197.514.626.153)</b>	<b>176.498.261.567</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam


Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng Kế toán quỹÔng Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Thông tin về Quỹ

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng số 38/GCN-UBCK vào ngày 27 tháng 2 năm 2020. Theo giấy chứng nhận này, vốn điều lệ tối thiểu dự kiến huy động của Quỹ là 50.000.000.000 Đồng Việt Nam, tương đương 50 lô chứng chỉ quỹ (một lô chứng chỉ quỹ bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ). Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp là 102.000.000.000 Đồng Việt Nam tương đương 10.200.000 chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Chứng chỉ Quỹ số 241/QĐ-SGDHCM ngày 7 tháng 5 năm 2020.

Quỹ đổi tên thành “Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND” theo Giấy Chứng nhận Điều chỉnh Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 13/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung gần nhất vào ngày 23 tháng 5 năm 2023 và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập. Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND bao gồm các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Danh sách cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí về giá trị vốn hóa, giá trị giao dịch, tỷ lệ P/E và tỷ lệ đầu tư nước ngoài.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ đồng thời phải đảm bảo các điều sau:

- a) Quỹ không được đầu tư vào quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) khoản 3, Điều 9, Điều lệ Quỹ, của một tổ chức, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (a), (b), (d), (e) khoản 3, Điều 9, Điều lệ Quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- d) Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- e) Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - Quỹ không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Quỹ không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Quỹ không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- f) Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- g) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu; và
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm (a), (b), (c) và (e) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- c) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 3 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;

## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06 – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

- e) Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật; và
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ là hàng ngày.

Quỹ không có cán bộ, công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Quỹ đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và các lãnh thổ khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ hoán đổi danh mục có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các lãnh thổ khác.



## **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06 – ETF**

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông tư 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các thông tin sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản mục được đo lường theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được trình bày tại Thuyết minh 3(c), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là lãi hoặc lỗ trong báo cáo thu nhập của Quỹ.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong năm.

#### (i) Phân loại

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh được phân loại là chứng khoán kinh doanh.

#### (ii) Ghi nhận ban đầu

Danh mục chứng khoán mà Quỹ thực hiện đầu tư được ghi nhận tại ngày giao dịch.

Danh mục chứng khoán cơ cấu được hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

#### (iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, giá trị hợp lý được sử dụng để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

##### *Tiền gửi có kỳ hạn trên (03) tháng tại ngân hàng và các công cụ thị trường tiền tệ khác*

Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới trước ngày định giá.

##### *Cổ phiếu*

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM:

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
  - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; hoặc
    - + Giá mua; hoặc
    - + Giá trị sổ sách; hoặc
    - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
  - Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - Giá trị sổ sách; hoặc
    - Mệnh giá; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  - Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản: ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
    - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất trước ngày định giá; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
  - Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết):
    - Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
    - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
      - + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt;
      - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 90 ngày trước ngày định giá;
      - + Giá mua;
      - + Giá trị sổ sách;



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.

### **Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Quyền mua cổ phiếu**

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị được xác định là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **(iv) Dừng ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được dừng ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản tương đương tiền, phải thu từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải thu từ đơn vị đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra.

#### **(e) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý quỹ, phải trả từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải trả cho nhà đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### (f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### (g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, các công cụ tài chính của Quỹ được phân loại như sau:

#### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản được nắm giữ với mục đích bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

#### (ii) *Nợ phải trả tài chính*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (h) Thuế

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) theo hướng dẫn của Công văn số 2331/TCT-CS ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Tổng Cục Thuế ban hành (“Công văn 2331”), Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành.

Các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Các tổ chức nước ngoài nếu có giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ phải nộp thuế theo hướng dẫn tại Công văn 2331, và quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và sẽ bị Công ty Quản lý Quỹ khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay theo quy định của pháp luật.

Các nội dung trên là dựa theo quy định tại các Luật về thuế Thu nhập Cá nhân, thuế Thu nhập Doanh nghiệp, thuế Giá trị Gia tăng và Quản lý thuế, được hướng dẫn chi tiết trong các Nghị định và Thông tư liên quan và được trích dẫn cụ thể như trên cũng như hướng dẫn riêng của Tổng Cục thuế tại Công văn 2331 gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế Hà Nội để hướng dẫn về chính sách thuế đối với Quỹ hoán đổi danh mục. Các nội dung trên có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

### (i) Vốn góp và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ được phân loại là vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại.

### (i) Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu và có thể phát sinh khoản bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau:

- phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ tại ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi (ngày T-1);
- những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành;
- chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của Quỹ đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.





## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

**(ii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ, kết quả giao dịch chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(m) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

**(n) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

**(p) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

#### (q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm trước.

#### 4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.225.901.806	219.740.527.959

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu số B06 – ETF**  
*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty nhận đầu tư như được liệt kê tại Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó, các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	Giá hoán đổi/giá mua VND	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31/12/2023		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	15.715.248.511.849	17.263.333.319.150	1.980.843.763.154	(432.758.955.853)	17.263.333.319.150
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[1]+[3]+[4]

**Ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	Giá hoán đổi/giá mua VND	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2022 VND	Chênh lệch do đánh giá lại tại ngày 31/12/2022		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	18.447.734.585.844	17.985.183.516.500	1.133.059.593.191	(1.595.610.662.535)	17.985.183.516.500
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[1]+[3]+[4]



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu về bán các cổ phiếu niêm yết của Quỹ	-	16.502.240.200
Phải thu về bán hộ các cổ phiếu niêm yết mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư	13.837.903.250	-
	<hr/>	<hr/>
	13.837.903.250	16.502.240.200

Phải thu về bán các cổ phiếu niêm yết thể hiện số tiền phải thu sau 2 ngày làm việc (T+2) kể từ ngày giao dịch (T) theo quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

### 7. Phải trả về mua các khoản đầu tư

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả về mua các cổ phiếu niêm yết	-	105.397.620.000

Phải trả về mua các cổ phiếu niêm yết thể hiện số tiền phải trả sau 2 ngày làm việc (T+2) kể từ ngày giao dịch (T) theo quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

### 8. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phí kiểm toán	181.500.000	165.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	18.000.000	17.000.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	-	5.374.005
Phí môi giới chứng khoán	-	80.113.260
	<hr/>	<hr/>
	199.500.000	267.487.265

**QUỸ ETF VFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***9. Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho nhà đầu tư về giao dịch mua hộ chứng khoán mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư	-	8.988.489.100

**10. Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho nhà đầu tư về giao dịch bán hộ chứng khoán mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư	13.836.703.250	-

**11. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF**

	<b>31/12/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí quản lý Quỹ	11.808.763.923	12.317.376.977
Phí quản trị Quỹ	324.741.010	338.727.868
Phí giám sát Quỹ	649.482.016	677.455.735
Phí lưu ký chứng khoán	295.219.100	307.934.425
Phí giao dịch chứng khoán	14.100.000	12.900.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho HSX	4.784.723.002	4.172.317.034
Phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả cho HSX	3.827.778.402	3.337.853.627
Phí dịch vụ tạo lập thị trường	2.281.600.346	2.010.749.535
	<b>24.002.907.799</b>	<b>23.191.815.201</b>



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 12. Vốn góp của nhà đầu tư và thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 43/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 102.000.000.000 VND tương ứng với 10.200.000 chứng chỉ quỹ (“CCQ”) theo mệnh giá 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ hoán đổi danh mục nên vốn góp và số lượng chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	Đơn vị	31/12/2022	Phát sinh trong năm	31/12/2023
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	1.105.800.000	88.900.000	1.194.700.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	11.058.000.000.000	889.000.000.000	11.947.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	11.809.497.628.365	1.254.254.396.794	13.063.752.025.159
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	22.867.497.628.365	2.143.254.396.794	25.010.752.025.159
<b>Vốn góp hoán đổi lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(296.100.000)	(233.500.000)	(529.600.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(2.961.000.000.000)	(2.335.000.000.000)	(5.296.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại (7)	VND	(4.593.484.617.833)	(3.470.550.493.349)	(8.064.035.111.182)
Tổng giá trị hoán đổi lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(7.554.484.617.833)	(5.805.550.493.349)	(13.360.035.111.182)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>	CCQ	809.700.000	(144.600.000)	665.100.000
<b>Giá trị vốn góp của nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>	VND	8.097.000.000.000	(1.446.000.000.000)	6.651.000.000.000
<b>Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>	VND	7.216.013.010.532	(2.216.296.096.555)	4.999.716.913.977
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>	VND	2.770.567.862.561	2.840.110.036.599	5.610.677.899.160
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>	VND	18.083.580.873.093	Không áp dụng	17.261.394.813.137
<b>NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>	VND/ CCQ	22.333,68	Không áp dụng	25.953,08
<b>NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ (15) = (13)/{(9)/100.000}</b>	NAV/ Lô CCQ	2.233.368.021	Không áp dụng	2.595.308.196

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**13. Lợi nhuận chưa phân phối**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.770.567.862.561	6.349.942.175.073
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trong năm	2.840.110.036.599	(3.579.374.312.512)
Trong đó:		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện và chưa phân phối</i>	<i>831.330.733.354</i>	<i>877.972.517.540</i>
<i>Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện</i>	<i>2.008.779.303.245</i>	<i>(4.457.346.830.052)</i>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	5.610.677.899.160	2.770.567.862.561

**14. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận từ tiền gửi ngân hàng**

	2023 VND	2022 VND
Cổ tức được chia trong năm		
▪ Cổ tức đã nhận	447.349.855.000	154.228.431.956
Tiền lãi được nhận trong năm		
▪ Tiền lãi đã nhận	319.097.177	303.449.692
▪ Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	36.799.980	-
	447.705.752.157	154.531.881.648

**15. Lãi từ bán và hoán đổi các khoản đầu tư**

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ giao dịch hoán đổi và bán chứng khoán (i)	590.500.997.681	890.757.203.145
Lãi từ việc Quỹ mua hộ chứng khoán cho các nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư	3.447.319.600	7.466.251.545
	593.948.317.281	898.223.454.690



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu số B06 – ETF  
 (Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
 ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(i) Lãi từ giao dịch hoán đổi và bán chứng khoán bao gồm:

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán và hoán đổi VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi từ bán và hoán đổi chứng khoán trong năm 2023 VND [3] = [1] - [2]	Lãi từ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2023 VND [4] = [3] + [5]	Lãi từ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2022 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	10.795.999.589.276	10.205.498.591.595	590.500.997.681	3.846.579.934.190	3.256.078.936.509

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán và hoán đổi VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi từ bán và hoán đổi chứng khoán trong năm 2022 VND [3] = [1] - [2]	Lãi từ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2022 VND [4] = [3] + [5]	Lãi từ bán và hoán đổi chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2021 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	6.676.721.296.743	5.785.964.093.598	890.757.203.145	3.256.078.936.509	2.365.321.733.364

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

**16. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Giá mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2023 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND [4]	Chênh lệch tăng/ (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm 2023 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	15.715.248.511.849	17.263.333.319.150	1.548.084.807.301	(462.551.069.344)	2.010.635.876.645
Khác (*)	-	-	-	1.856.573.400	(1.856.573.400)
	15.715.248.511.849	17.263.333.319.150	1.548.084.807.301	(460.694.495.944)	2.008.779.303.245

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các khoản đầu tư	Giá mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2022 VND [2]	Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [4]	Chênh lệch (giảm)/ tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm 2022 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	18.447.734.585.844	17.985.183.516.500	(462.551.069.344)	3.996.652.334.108	(4.459.203.403.452)
Khác (*)	-	-	1.856.573.400	-	1.856.573.400
	18.447.734.585.844	17.985.183.516.500	(460.694.495.944)	3.996.652.334.108	(4.457.346.830.052)

(\*) Đây là chênh lệch tăng đánh giá lại chưa thực hiện của những chứng khoán mua hộ nhà đầu tư do bị hạn chế đầu tư, thể hiện chênh lệch giữa giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán và giá trị hoá đơn đổi tại ngày giao dịch hoá đơn đổi chứng chỉ quỹ ETF.



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	7.467.983.751	4.405.513.468
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	7.116.555.910	3.986.300.772
Chi phí giao dịch trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	35.834.758	-
	<b>14.620.374.419</b>	<b>8.391.814.240</b>

**18. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Phí lưu ký chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	3.764.445.747	3.200.612.035
Phí giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	60.400.000	42.000.000
Phí lưu ký chứng khoán trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	1.768.325.021	1.074.020.829
	<b>5.593.170.768</b>	<b>4.316.632.864</b>

**19. Phí dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của quỹ ETF**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Phí trả cho HSX về cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV)	9.411.114.358	8.001.530.073
Phí trả cho HSX về quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu	7.528.891.482	6.401.224.055
Phí dịch vụ tạo lập thị trường	9.436.158.876	8.395.588.491
	<b>26.376.164.716</b>	<b>22.798.342.619</b>

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho HSX và phí dịch vụ tạo lập thị trường theo các mức phí cụ thể như sau:

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### Dịch vụ

### Biểu phí

Phí trả cho HSX về quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (không chịu thuế giá trị gia tăng (“GTGT”))

- NAV dưới 500 tỷ VND: 0,080% NAV mỗi năm;
- NAV từ 500 tỷ VND đến dưới 1.000 tỷ VND: 0,065% NAV mỗi năm;
- NAV từ 1.000 tỷ VND đến dưới 2.000 tỷ VND: 0,055% NAV mỗi năm;
- NAV từ 2.000 tỷ VND trở lên: 0,040% NAV mỗi năm.

Phí trả cho HSX về cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ Quỹ (iNAV)

(không chịu thuế GTGT)

- 0,05% NAV mỗi năm

Phí dịch vụ tạo lập thị trường

- Tối đa 0,08% NAV mỗi năm

Phí trả cho HSX về cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) tối thiểu là 50 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Phí trả cho HSX về quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối thiểu là 240 triệu VND mỗi năm (không chịu thuế GTGT).

Các phí trên được tính theo từng kỳ định giá NAV tương ứng với ngày làm việc trong tháng. Số phí của mỗi kỳ định giá NAV được tính dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả mỗi sáu tháng một lần (“kỳ thanh toán”) đối với phí trả HSX và được trả mỗi quý một lần đối với phí dịch vụ tạo lập thị trường. Số phí trả trong mỗi kỳ thanh toán là tổng số phí được tính theo từng kỳ định giá NAV phát sinh trong kỳ thanh toán.

## 20. Chi phí hoạt động khác

	2023 VND	2022 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 22)	117.000.000	116.000.000
Phí dịch vụ khác của nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ và chi phí hoạt động khác	201.325.993	208.728.161
Trong đó:		
▪ <i>Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam</i>	84.000.000	94.500.000
▪ <i>Phí thiết kế, in ấn, gửi thư</i>	45.531.216	34.743.990
▪ <i>Phí niêm yết trả cho HSX</i>	30.000.000	30.000.000
▪ <i>Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam</i>	17.125.995	-
▪ <i>Phí thực hiện quyền trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam</i>	14.000.000	10.500.000
▪ <i>Phí ngân hàng</i>	10.668.782	38.984.171
	<hr/>	<hr/>
	318.325.993	324.728.161



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)***21. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2023			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	18.083.580.873.093	809.700.000	22.333,68	
1	Ngày 2 tháng 1 năm 2023	18.082.556.783.128	809.700.000	22.332,41	(1,27)
2	Ngày 3 tháng 1 năm 2023	18.595.761.496.665	809.800.000	22.963,40	630,99
3	Ngày 4 tháng 1 năm 2023	18.583.863.207.069	810.100.000	22.940,20	(23,20)
4	Ngày 5 tháng 1 năm 2023	18.757.833.911.711	811.700.000	23.109,31	169,11
5	Ngày 8 tháng 1 năm 2023	18.778.140.645.342	813.200.000	23.091,66	(17,65)
6	Ngày 9 tháng 1 năm 2023	18.756.943.755.288	814.800.000	23.020,30	(71,36)
7	Ngày 10 tháng 1 năm 2023	18.772.064.006.401	816.700.000	22.985,26	(35,04)
8	Ngày 11 tháng 1 năm 2023	18.875.306.784.002	819.200.000	23.041,14	55,88
9	Ngày 12 tháng 1 năm 2023	18.899.063.789.955	821.100.000	23.016,76	(24,38)
10	Ngày 15 tháng 1 năm 2023	18.899.531.878.805	821.700.000	23.000,52	(16,24)
11	Ngày 16 tháng 1 năm 2023	19.065.966.663.266	823.300.000	23.157,98	157,46
12	Ngày 17 tháng 1 năm 2023	19.402.368.698.241	824.500.000	23.532,28	374,30
13	Ngày 18 tháng 1 năm 2023	19.680.436.798.772	825.600.000	23.837,73	305,45
14	Ngày 26 tháng 1 năm 2023	19.853.177.046.001	826.300.000	24.026,59	188,86
15	Ngày 29 tháng 1 năm 2023	20.185.382.262.895	826.800.000	24.413,86	387,27
16	Ngày 30 tháng 1 năm 2023	19.988.516.316.224	827.400.000	24.158,22	(255,64)
17	Ngày 31 tháng 1 năm 2023	20.411.896.115.063	838.400.000	24.346,25	188,03
18	Ngày 1 tháng 2 năm 2023	19.932.014.896.071	841.200.000	23.694,73	(651,52)
19	Ngày 2 tháng 2 năm 2023	20.046.929.298.504	841.200.000	23.831,34	136,61
20	Ngày 5 tháng 2 năm 2023	19.604.353.836.842	841.200.000	23.305,22	(526,12)
21	Ngày 6 tháng 2 năm 2023	19.827.501.193.642	841.200.000	23.570,49	265,27
22	Ngày 7 tháng 2 năm 2023	19.520.121.272.967	841.200.000	23.205,08	(365,41)
23	Ngày 8 tháng 2 năm 2023	19.455.424.954.932	841.200.000	23.128,17	(76,91)
24	Ngày 9 tháng 2 năm 2023	19.366.461.555.807	841.200.000	23.022,42	(105,75)
25	Ngày 12 tháng 2 năm 2023	19.069.284.602.320	841.200.000	22.669,14	(353,28)
26	Ngày 13 tháng 2 năm 2023	18.881.009.925.226	841.200.000	22.445,32	(223,82)
27	Ngày 14 tháng 2 năm 2023	18.856.097.993.598	841.200.000	22.415,71	(29,61)
28	Ngày 15 tháng 2 năm 2023	19.037.359.868.149	841.200.000	22.631,19	215,48
29	Ngày 16 tháng 2 năm 2023	19.225.839.917.634	841.200.000	22.855,25	224,06
30	Ngày 19 tháng 2 năm 2023	19.231.583.076.424	841.200.000	22.862,08	6,83
31	Ngày 20 tháng 2 năm 2023	19.744.836.028.530	841.200.000	23.472,22	610,14
32	Ngày 21 tháng 2 năm 2023	19.686.855.406.749	842.000.000	23.381,06	(91,16)
33	Ngày 22 tháng 2 năm 2023	19.260.177.395.203	843.700.000	22.828,22	(552,84)
34	Ngày 23 tháng 2 năm 2023	19.262.909.460.686	844.100.000	22.820,64	(7,58)
35	Ngày 26 tháng 2 năm 2023	18.919.352.443.050	844.100.000	22.413,63	(407,01)
36	Ngày 27 tháng 2 năm 2023	18.389.188.283.929	842.500.000	21.826,92	(586,71)
37	Ngày 28 tháng 2 năm 2023	18.295.064.550.009	838.800.000	21.810,99	(15,93)





**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2023			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
38	Ngày 1 tháng 3 năm 2023	18.578.894.067.589	838.600.000	22.154,65	343,66
39	Ngày 2 tháng 3 năm 2023	18.559.388.643.209	837.700.000	22.155,17	0,52
40	Ngày 5 tháng 3 năm 2023	18.227.617.113.204	837.700.000	21.759,12	(396,05)
41	Ngày 6 tháng 3 năm 2023	18.217.079.973.411	836.500.000	21.777,74	18,62
42	Ngày 7 tháng 3 năm 2023	18.345.997.249.857	836.500.000	21.931,85	154,11
43	Ngày 8 tháng 3 năm 2023	18.546.449.437.405	836.500.000	22.171,48	239,63
44	Ngày 9 tháng 3 năm 2023	18.729.531.244.572	836.500.000	22.390,35	218,87
45	Ngày 12 tháng 3 năm 2023	18.556.554.910.924	836.500.000	22.183,56	(206,79)
46	Ngày 13 tháng 3 năm 2023	18.519.253.224.037	836.100.000	22.149,56	(34,00)
47	Ngày 14 tháng 3 năm 2023	18.338.545.269.865	835.600.000	21.946,55	(203,01)
48	Ngày 15 tháng 3 năm 2023	18.715.920.719.769	833.600.000	22.451,92	505,37
49	Ngày 16 tháng 3 năm 2023	18.467.414.607.544	833.600.000	22.153,80	(298,12)
50	Ngày 19 tháng 3 năm 2023	18.327.963.867.953	829.600.000	22.092,53	(61,27)
51	Ngày 20 tháng 3 năm 2023	18.044.085.115.352	828.400.000	21.781,85	(310,68)
52	Ngày 21 tháng 3 năm 2023	18.122.169.433.297	827.300.000	21.905,19	123,34
53	Ngày 22 tháng 3 năm 2023	18.134.111.160.292	827.300.000	21.919,63	14,44
54	Ngày 23 tháng 3 năm 2023	18.127.980.703.294	827.100.000	21.917,51	(2,12)
55	Ngày 26 tháng 3 năm 2023	18.229.017.827.520	826.400.000	22.058,34	140,83
56	Ngày 27 tháng 3 năm 2023	18.295.951.519.105	826.300.000	22.142,02	83,68
57	Ngày 28 tháng 3 năm 2023	18.377.862.493.362	825.000.000	22.276,19	134,17
58	Ngày 29 tháng 3 năm 2023	18.316.698.874.145	823.800.000	22.234,40	(41,79)
59	Ngày 30 tháng 3 năm 2023	18.342.107.303.841	823.300.000	22.278,76	44,36
60	Ngày 31 tháng 3 năm 2023	18.444.953.668.093	823.200.000	22.406,40	127,64
61	Ngày 2 tháng 4 năm 2023	18.443.909.131.857	823.200.000	22.405,13	(1,27)
62	Ngày 3 tháng 4 năm 2023	18.714.325.950.241	823.200.000	22.733,63	328,50
63	Ngày 4 tháng 4 năm 2023	18.823.669.378.861	823.200.000	22.866,45	132,82
64	Ngày 5 tháng 4 năm 2023	18.845.421.531.040	823.200.000	22.892,88	26,43
65	Ngày 6 tháng 4 năm 2023	18.652.814.210.029	823.100.000	22.661,66	(231,22)
66	Ngày 9 tháng 4 năm 2023	18.664.803.441.061	823.100.000	22.676,22	14,56
67	Ngày 10 tháng 4 năm 2023	18.826.995.498.012	822.200.000	22.898,31	222,09
68	Ngày 11 tháng 4 năm 2023	18.865.510.239.880	821.300.000	22.970,30	71,99
69	Ngày 12 tháng 4 năm 2023	18.856.512.009.724	820.200.000	22.990,13	19,83
70	Ngày 13 tháng 4 năm 2023	18.730.708.126.268	817.400.000	22.914,98	(75,15)
71	Ngày 16 tháng 4 năm 2023	18.506.411.627.527	816.800.000	22.657,21	(257,77)
72	Ngày 17 tháng 4 năm 2023	18.539.373.403.387	816.700.000	22.700,34	43,13
73	Ngày 18 tháng 4 năm 2023	18.458.638.800.050	816.500.000	22.607,02	(93,32)
74	Ngày 19 tháng 4 năm 2023	18.368.841.952.715	816.500.000	22.497,05	(109,97)
75	Ngày 20 tháng 4 năm 2023	18.318.713.306.763	816.500.000	22.435,65	(61,40)
76	Ngày 23 tháng 4 năm 2023	18.197.757.814.561	816.500.000	22.287,51	(148,14)
77	Ngày 24 tháng 4 năm 2023	18.150.700.075.069	816.500.000	22.229,88	(57,63)



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2023			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
78	Ngày 25 tháng 4 năm 2023	17.864.584.921.467	811.400.000	22.016,98	(212,90)
79	Ngày 26 tháng 4 năm 2023	17.965.490.501.762	811.100.000	22.149,53	132,55
80	Ngày 27 tháng 4 năm 2023	18.009.151.876.547	811.100.000	22.203,36	53,83
81	Ngày 30 tháng 4 năm 2023	18.126.511.873.612	811.100.000	22.348,06	144,70
82	Ngày 3 tháng 5 năm 2023	18.125.054.042.555	811.100.000	22.346,26	(1,80)
83	Ngày 4 tháng 5 năm 2023	17.966.814.453.606	811.100.000	22.151,17	(195,09)
84	Ngày 7 tháng 5 năm 2023	17.871.855.520.493	811.100.000	22.034,09	(117,08)
85	Ngày 8 tháng 5 năm 2023	17.960.755.777.816	811.100.000	22.143,70	109,61
86	Ngày 9 tháng 5 năm 2023	17.936.121.487.398	810.100.000	22.140,62	(3,08)
87	Ngày 10 tháng 5 năm 2023	18.048.727.374.986	810.100.000	22.279,62	139,00
88	Ngày 11 tháng 5 năm 2023	17.983.564.697.246	809.100.000	22.226,62	(53,00)
89	Ngày 14 tháng 5 năm 2023	18.044.113.532.240	808.100.000	22.329,06	102,44
90	Ngày 15 tháng 5 năm 2023	18.157.216.481.095	808.100.000	22.469,02	139,96
91	Ngày 16 tháng 5 năm 2023	18.102.111.406.506	808.000.000	22.403,60	(65,42)
92	Ngày 17 tháng 5 năm 2023	17.908.507.984.573	807.000.000	22.191,45	(212,15)
93	Ngày 18 tháng 5 năm 2023	17.992.495.881.215	805.800.000	22.328,73	137,28
94	Ngày 21 tháng 5 năm 2023	17.981.768.335.374	805.500.000	22.323,73	(5,00)
95	Ngày 22 tháng 5 năm 2023	18.110.384.781.946	805.000.000	22.497,37	173,64
96	Ngày 23 tháng 5 năm 2023	18.010.285.861.585	802.000.000	22.456,71	(40,66)
97	Ngày 24 tháng 5 năm 2023	17.841.624.391.343	801.500.000	22.260,29	(196,42)
98	Ngày 25 tháng 5 năm 2023	17.839.514.565.590	801.400.000	22.260,43	0,14
99	Ngày 28 tháng 5 năm 2023	17.822.162.705.049	797.900.000	22.336,33	75,90
100	Ngày 29 tháng 5 năm 2023	17.884.328.148.443	795.800.000	22.473,39	137,06
101	Ngày 30 tháng 5 năm 2023	17.962.402.214.692	795.800.000	22.571,50	98,11
102	Ngày 31 tháng 5 năm 2023	17.864.033.724.948	792.300.000	22.547,05	(24,45)
103	Ngày 1 tháng 6 năm 2023	17.887.710.766.944	789.600.000	22.654,14	107,09
104	Ngày 4 tháng 6 năm 2023	18.340.679.317.140	788.300.000	23.266,11	611,97
105	Ngày 5 tháng 6 năm 2023	18.427.448.195.139	787.700.000	23.393,99	127,88
106	Ngày 6 tháng 6 năm 2023	18.534.708.693.990	785.900.000	23.584,05	190,06
107	Ngày 7 tháng 6 năm 2023	18.494.314.487.247	784.800.000	23.565,64	(18,41)
108	Ngày 8 tháng 6 năm 2023	18.128.250.588.124	783.900.000	23.125,71	(439,93)
109	Ngày 11 tháng 6 năm 2023	18.282.202.371.517	781.500.000	23.393,73	268,02
110	Ngày 12 tháng 6 năm 2023	18.415.671.193.776	780.400.000	23.597,73	204,00
111	Ngày 13 tháng 6 năm 2023	18.598.770.996.842	788.100.000	23.599,50	1,77
112	Ngày 14 tháng 6 năm 2023	18.483.306.353.657	787.300.000	23.476,82	(122,68)
113	Ngày 15 tháng 6 năm 2023	18.456.752.165.325	787.300.000	23.443,09	(33,73)
114	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	18.427.802.777.821	787.300.000	23.406,32	(36,77)
115	Ngày 19 tháng 6 năm 2023	18.413.288.572.287	788.300.000	23.358,22	(48,10)
116	Ngày 20 tháng 6 năm 2023	18.888.270.411.313	802.200.000	23.545,58	187,36
117	Ngày 21 tháng 6 năm 2023	18.979.474.554.720	801.700.000	23.674,03	128,45



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2023			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
118	Ngày 22 tháng 6 năm 2023	19.069.316.654.307	801.400.000	23.795,00	120,97
119	Ngày 25 tháng 6 năm 2023	19.187.309.253.864	801.400.000	23.942,23	147,23
120	Ngày 26 tháng 6 năm 2023	19.350.226.039.189	801.400.000	24.145,52	203,29
121	Ngày 27 tháng 6 năm 2023	19.309.476.724.284	800.400.000	24.124,78	(20,74)
122	Ngày 28 tháng 6 năm 2023	19.388.438.076.448	800.400.000	24.223,43	98,65
123	Ngày 29 tháng 6 năm 2023	19.091.974.489.564	800.000.000	23.864,96	(358,47)
124	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	19.082.391.579.937	798.800.000	23.888,82	23,86
125	Ngày 2 tháng 7 năm 2023	19.081.310.720.275	798.800.000	23.887,46	(1,36)
126	Ngày 3 tháng 7 năm 2023	19.033.943.088.295	798.800.000	23.828,17	(59,29)
127	Ngày 4 tháng 7 năm 2023	19.108.419.378.916	798.700.000	23.924,40	96,23
128	Ngày 5 tháng 7 năm 2023	19.135.810.242.773	798.700.000	23.958,69	34,29
129	Ngày 6 tháng 7 năm 2023	18.972.506.354.347	799.000.000	23.745,31	(213,38)
130	Ngày 9 tháng 7 năm 2023	19.241.386.640.751	799.900.000	24.054,74	309,43
131	Ngày 10 tháng 7 năm 2023	19.544.543.194.823	799.400.000	24.449,01	394,27
132	Ngày 11 tháng 7 năm 2023	19.661.043.271.603	798.000.000	24.637,89	188,88
133	Ngày 12 tháng 7 năm 2023	19.598.648.675.711	798.000.000	24.559,71	(78,18)
134	Ngày 13 tháng 7 năm 2023	19.869.799.344.275	798.000.000	24.899,49	339,78
135	Ngày 16 tháng 7 năm 2023	19.993.073.719.504	797.500.000	25.069,68	170,19
136	Ngày 17 tháng 7 năm 2023	20.011.830.102.336	796.000.000	25.140,49	70,81
137	Ngày 18 tháng 7 năm 2023	20.049.134.703.585	795.600.000	25.200,01	59,52
138	Ngày 19 tháng 7 năm 2023	19.991.683.609.411	796.600.000	25.096,26	(103,75)
139	Ngày 20 tháng 7 năm 2023	20.129.156.201.398	797.400.000	25.243,48	147,22
140	Ngày 23 tháng 7 năm 2023	20.497.741.619.516	796.600.000	25.731,53	488,05
141	Ngày 24 tháng 7 năm 2023	20.664.945.896.484	795.200.000	25.987,10	255,57
142	Ngày 25 tháng 7 năm 2023	20.734.163.982.040	794.900.000	26.083,99	96,89
143	Ngày 26 tháng 7 năm 2023	20.821.296.436.837	796.600.000	26.137,70	53,71
144	Ngày 27 tháng 7 năm 2023	20.896.627.679.225	796.300.000	26.242,15	104,45
145	Ngày 30 tháng 7 năm 2023	21.123.569.575.693	796.100.000	26.533,81	291,66
146	Ngày 31 tháng 7 năm 2023	21.238.919.948.083	796.100.000	26.678,70	144,89
147	Ngày 1 tháng 8 năm 2023	20.880.287.340.406	796.100.000	26.228,22	(450,48)
148	Ngày 2 tháng 8 năm 2023	20.944.734.075.991	799.100.000	26.210,40	(17,82)
149	Ngày 3 tháng 8 năm 2023	20.946.327.749.478	799.100.000	26.212,39	1,99
150	Ngày 6 tháng 8 năm 2023	21.097.719.725.794	799.100.000	26.401,85	189,46
151	Ngày 7 tháng 8 năm 2023	21.361.637.016.153	799.100.000	26.732,11	330,26
152	Ngày 8 tháng 8 năm 2023	21.206.025.536.613	799.100.000	26.537,38	(194,73)
153	Ngày 9 tháng 8 năm 2023	20.993.787.718.312	799.100.000	26.271,79	(265,59)
154	Ngày 10 tháng 8 năm 2023	20.709.272.222.170	799.100.000	25.915,74	(356,05)
155	Ngày 13 tháng 8 năm 2023	20.741.480.278.168	795.700.000	26.066,96	151,22
156	Ngày 14 tháng 8 năm 2023	20.722.971.144.825	790.300.000	26.221,65	154,69
157	Ngày 15 tháng 8 năm 2023	20.736.561.838.101	789.800.000	26.255,45	33,80



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2023			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
158	Ngày 16 tháng 8 năm 2023	20.769.105.666.745	785.400.000	26.443,98	188,53
159	Ngày 17 tháng 8 năm 2023	20.651.918.300.735	783.300.000	26.365,27	(78,71)
160	Ngày 20 tháng 8 năm 2023	19.699.327.709.135	781.800.000	25.197,40	(1.167,87)
161	Ngày 21 tháng 8 năm 2023	19.813.592.144.596	781.700.000	25.346,79	149,39
162	Ngày 22 tháng 8 năm 2023	19.771.895.143.892	777.400.000	25.433,36	86,57
163	Ngày 23 tháng 8 năm 2023	19.533.811.165.194	772.700.000	25.279,94	(153,42)
164	Ngày 24 tháng 8 năm 2023	19.797.927.880.875	767.400.000	25.798,70	518,76
165	Ngày 27 tháng 8 năm 2023	19.751.514.901.749	766.500.000	25.768,44	(30,26)
166	Ngày 28 tháng 8 năm 2023	20.060.097.938.739	765.500.000	26.205,22	436,78
167	Ngày 29 tháng 8 năm 2023	20.149.274.317.081	763.400.000	26.394,12	188,90
168	Ngày 30 tháng 8 năm 2023	20.458.809.572.094	763.000.000	26.813,64	419,52
169	Ngày 31 tháng 8 năm 2023	20.634.231.136.781	762.700.000	27.054,19	240,55
170	Ngày 4 tháng 9 năm 2023	20.631.894.018.808	762.700.000	27.051,12	(3,07)
171	Ngày 5 tháng 9 năm 2023	20.751.975.505.802	760.100.000	27.301,63	250,51
172	Ngày 6 tháng 9 năm 2023	20.946.871.783.340	758.100.000	27.630,75	329,12
173	Ngày 7 tháng 9 năm 2023	20.897.911.735.369	753.900.000	27.719,73	88,98
174	Ngày 10 tháng 9 năm 2023	20.779.009.961.626	750.700.000	27.679,51	(40,22)
175	Ngày 11 tháng 9 năm 2023	20.345.174.929.784	745.200.000	27.301,63	(377,88)
176	Ngày 12 tháng 9 năm 2023	20.566.724.842.551	741.600.000	27.732,90	431,27
177	Ngày 13 tháng 9 năm 2023	20.511.090.551.269	737.000.000	27.830,51	97,61
178	Ngày 14 tháng 9 năm 2023	20.284.194.157.537	735.500.000	27.578,78	(251,73)
179	Ngày 17 tháng 9 năm 2023	20.262.013.636.137	734.400.000	27.589,88	11,10
180	Ngày 18 tháng 9 năm 2023	20.010.089.949.176	733.600.000	27.276,56	(313,32)
181	Ngày 19 tháng 9 năm 2023	20.064.293.438.349	733.300.000	27.361,64	85,08
182	Ngày 20 tháng 9 năm 2023	20.308.950.679.839	733.600.000	27.683,95	322,31
183	Ngày 21 tháng 9 năm 2023	20.112.804.486.805	733.600.000	27.416,58	(267,37)
184	Ngày 24 tháng 9 năm 2023	19.706.218.559.523	732.600.000	26.899,01	(517,57)
185	Ngày 25 tháng 9 năm 2023	19.071.678.414.322	732.600.000	26.032,86	(866,15)
186	Ngày 26 tháng 9 năm 2023	19.037.382.108.264	732.600.000	25.986,05	(46,81)
187	Ngày 27 tháng 9 năm 2023	19.336.149.360.223	732.700.000	26.390,26	404,21
188	Ngày 28 tháng 9 năm 2023	19.479.808.971.405	732.700.000	26.586,33	196,07
189	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	19.465.472.840.241	733.700.000	26.530,56	(55,77)
190	Ngày 1 tháng 10 năm 2023	19.464.921.589.640	733.700.000	26.529,80	(0,76)
191	Ngày 2 tháng 10 năm 2023	19.410.796.574.787	733.700.000	26.456,04	(73,76)
192	Ngày 3 tháng 10 năm 2023	18.826.486.330.741	733.700.000	25.659,65	(796,39)
193	Ngày 4 tháng 10 năm 2023	18.911.200.711.591	733.400.000	25.785,65	126,00
194	Ngày 5 tháng 10 năm 2023	18.618.090.685.146	732.000.000	25.434,55	(351,10)
195	Ngày 8 tháng 10 năm 2023	18.799.966.428.429	730.500.000	25.735,75	301,20
196	Ngày 9 tháng 10 năm 2023	19.045.559.590.914	729.900.000	26.093,38	357,63
197	Ngày 10 tháng 10 năm 2023	19.129.594.936.151	727.800.000	26.284,13	190,75





**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu số B06 – ETF

*(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2023			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
198	Ngày 11 tháng 10 năm 2023	19.066.954.446.886	721.800.000	26.415,84	131,71
199	Ngày 12 tháng 10 năm 2023	18.968.208.491.090	720.600.000	26.322,79	(93,05)
200	Ngày 15 tháng 10 năm 2023	19.018.016.730.127	719.500.000	26.432,26	109,47
201	Ngày 16 tháng 10 năm 2023	18.846.451.706.700	717.300.000	26.274,15	(158,11)
202	Ngày 17 tháng 10 năm 2023	18.358.655.547.284	713.900.000	25.716,00	(558,15)
203	Ngày 18 tháng 10 năm 2023	18.053.020.102.777	712.600.000	25.334,01	(381,99)
204	Ngày 19 tháng 10 năm 2023	17.760.478.582.963	712.800.000	24.916,49	(417,52)
205	Ngày 22 tháng 10 năm 2023	18.031.205.020.198	713.100.000	25.285,66	369,17
206	Ngày 23 tháng 10 năm 2023	17.697.811.990.176	713.100.000	24.818,13	(467,53)
207	Ngày 24 tháng 10 năm 2023	17.835.594.604.352	713.100.000	25.011,35	193,22
208	Ngày 25 tháng 10 năm 2023	17.759.096.773.467	713.100.000	24.904,07	(107,28)
209	Ngày 26 tháng 10 năm 2023	17.105.354.373.939	713.100.000	23.987,31	(916,76)
210	Ngày 29 tháng 10 năm 2023	17.179.610.840.063	710.700.000	24.172,80	185,49
211	Ngày 30 tháng 10 năm 2023	16.694.492.813.492	707.400.000	23.599,79	(573,01)
212	Ngày 31 tháng 10 năm 2023	16.349.043.616.804	707.000.000	23.124,53	(475,26)
213	Ngày 1 tháng 11 năm 2023	16.379.625.968.960	707.000.000	23.167,78	43,25
214	Ngày 2 tháng 11 năm 2023	16.982.965.573.180	707.000.000	24.021,16	853,38
215	Ngày 5 tháng 11 năm 2023	17.036.797.007.780	707.000.000	24.097,30	76,14
216	Ngày 6 tháng 11 năm 2023	17.300.635.685.579	707.000.000	24.470,48	373,18
217	Ngày 7 tháng 11 năm 2023	17.186.114.378.845	707.000.000	24.308,50	(161,98)
218	Ngày 8 tháng 11 năm 2023	17.786.344.168.983	707.000.000	25.157,48	848,98
219	Ngày 9 tháng 11 năm 2023	17.814.111.408.178	706.800.000	25.203,89	46,41
220	Ngày 12 tháng 11 năm 2023	17.629.259.198.995	706.700.000	24.945,88	(258,01)
221	Ngày 13 tháng 11 năm 2023	17.671.998.283.692	707.400.000	24.981,62	35,74
222	Ngày 14 tháng 11 năm 2023	18.026.147.458.926	707.100.000	25.493,06	511,44
223	Ngày 15 tháng 11 năm 2023	18.101.532.026.276	706.300.000	25.628,67	135,61
224	Ngày 16 tháng 11 năm 2023	18.088.272.008.466	706.300.000	25.609,89	(18,78)
225	Ngày 19 tháng 11 năm 2023	17.827.118.991.891	706.300.000	25.240,15	(369,74)
226	Ngày 20 tháng 11 năm 2023	17.726.633.014.092	705.800.000	25.115,66	(124,49)
227	Ngày 21 tháng 11 năm 2023	18.013.933.995.659	712.100.000	25.296,91	181,25
228	Ngày 22 tháng 11 năm 2023	18.018.635.033.660	712.100.000	25.303,51	6,60
229	Ngày 23 tháng 11 năm 2023	17.613.352.073.992	712.100.000	24.734,38	(569,13)
230	Ngày 26 tháng 11 năm 2023	17.630.508.156.156	710.900.000	24.800,26	65,88
231	Ngày 27 tháng 11 năm 2023	17.414.452.654.778	710.900.000	24.496,34	(303,92)
232	Ngày 28 tháng 11 năm 2023	17.508.874.079.088	710.900.000	24.629,16	132,82
233	Ngày 29 tháng 11 năm 2023	17.679.115.399.780	710.900.000	24.868,63	239,47
234	Ngày 30 tháng 11 năm 2023	17.616.903.440.990	710.900.000	24.781,12	(87,51)
235	Ngày 3 tháng 12 năm 2023	17.695.646.880.344	710.900.000	24.891,89	110,77
236	Ngày 4 tháng 12 năm 2023	17.907.429.119.749	709.400.000	25.243,06	351,17
237	Ngày 5 tháng 12 năm 2023	17.827.581.409.029	707.000.000	25.215,81	(27,25)



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2023			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
238	Ngày 6 tháng 12 năm 2023	17.843.570.887.315	702.400.000	25.403,71	187,90
239	Ngày 7 tháng 12 năm 2023	17.745.847.501.303	699.800.000	25.358,45	(45,26)
240	Ngày 10 tháng 12 năm 2023	17.773.058.723.992	696.300.000	25.525,00	166,55
241	Ngày 11 tháng 12 năm 2023	17.726.765.858.710	694.500.000	25.524,50	(0,50)
242	Ngày 12 tháng 12 năm 2023	17.822.474.319.213	694.500.000	25.662,31	137,81
243	Ngày 13 tháng 12 năm 2023	17.409.577.098.486	688.400.000	25.289,91	(372,40)
244	Ngày 14 tháng 12 năm 2023	17.271.253.103.455	684.500.000	25.231,92	(57,99)
245	Ngày 17 tháng 12 năm 2023	17.172.275.546.597	684.000.000	25.105,66	(126,26)
246	Ngày 18 tháng 12 năm 2023	16.876.274.538.389	679.100.000	24.850,94	(254,72)
247	Ngày 19 tháng 12 năm 2023	16.859.411.257.909	673.400.000	25.036,25	185,31
248	Ngày 20 tháng 12 năm 2023	17.115.435.621.974	679.700.000	25.180,86	144,61
249	Ngày 21 tháng 12 năm 2023	17.096.524.433.013	674.500.000	25.346,95	166,09
250	Ngày 24 tháng 12 năm 2023	16.938.993.159.825	669.700.000	25.293,40	(53,55)
251	Ngày 25 tháng 12 năm 2023	17.174.061.768.160	668.100.000	25.705,82	412,42
252	Ngày 26 tháng 12 năm 2023	17.163.924.659.785	667.100.000	25.729,16	23,34
253	Ngày 27 tháng 12 năm 2023	17.159.769.370.508	666.100.000	25.761,55	32,39
254	Ngày 28 tháng 12 năm 2023	17.220.908.062.313	665.100.000	25.892,20	130,65
255	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	17.261.394.813.137	665.100.000	25.953,08	60,88
	• Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	18.821.167.972.544	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
	• Biến động NAV/ICCCQ trong năm ở mức cao nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(1.167,87)
	• Biến động NAV/ICCCQ trong năm ở mức thấp nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	0,14



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	13.791.745.107.213	489.800.000	28.157,91	
1	Ngày 1 tháng 1 năm 2022	13.790.573.565.392	489.800.000	28.155,51	(2,40)
2	Ngày 4 tháng 1 năm 2022	13.879.373.895.302	488.900.000	28.388,98	233,47
3	Ngày 5 tháng 1 năm 2022	13.782.837.521.061	488.500.000	28.214,61	(174,37)
4	Ngày 6 tháng 1 năm 2022	13.726.563.254.577	487.900.000	28.133,96	(80,65)
5	Ngày 7 tháng 1 năm 2022	13.624.262.212.236	488.000.000	27.918,57	(215,39)
6	Ngày 10 tháng 1 năm 2022	13.363.716.697.508	487.700.000	27.401,51	(517,06)
7	Ngày 11 tháng 1 năm 2022	13.232.274.685.103	487.700.000	27.131,99	(269,52)
8	Ngày 12 tháng 1 năm 2022	13.481.380.953.396	487.600.000	27.648,44	516,45
9	Ngày 13 tháng 1 năm 2022	13.508.493.253.206	487.100.000	27.732,48	84,04
10	Ngày 14 tháng 1 năm 2022	13.383.756.516.312	486.400.000	27.515,94	(216,54)
11	Ngày 17 tháng 1 năm 2022	13.092.588.481.929	489.800.000	26.730,47	(785,47)
12	Ngày 18 tháng 1 năm 2022	13.035.681.835.357	489.800.000	26.614,29	(116,18)
13	Ngày 19 tháng 1 năm 2022	13.161.455.359.185	489.900.000	26.865,59	251,30
14	Ngày 20 tháng 1 năm 2022	13.296.267.519.936	490.200.000	27.124,16	258,57
15	Ngày 21 tháng 1 năm 2022	13.416.376.621.148	490.400.000	27.358,02	233,86
16	Ngày 24 tháng 1 năm 2022	13.205.213.767.402	490.400.000	26.927,43	(430,59)
17	Ngày 25 tháng 1 năm 2022	13.496.371.299.489	490.400.000	27.521,14	593,71
18	Ngày 26 tháng 1 năm 2022	13.647.712.547.402	490.400.000	27.829,75	308,61
19	Ngày 27 tháng 1 năm 2022	13.562.635.069.083	489.200.000	27.724,11	(105,64)
20	Ngày 28 tháng 1 năm 2022	13.811.526.633.347	489.200.000	28.232,88	508,77
21	Ngày 1 tháng 2 năm 2022	13.810.353.264.910	489.200.000	28.230,48	(2,40)
22	Ngày 4 tháng 2 năm 2022	13.809.179.995.902	489.200.000	28.228,08	(2,40)
23	Ngày 7 tháng 2 năm 2022	13.869.554.626.717	488.900.000	28.368,89	140,81
24	Ngày 8 tháng 2 năm 2022	14.004.632.129.001	488.800.000	28.651,04	282,15
25	Ngày 9 tháng 2 năm 2022	14.012.995.699.136	488.900.000	28.662,29	11,25
26	Ngày 10 tháng 2 năm 2022	14.228.113.958.404	497.000.000	28.627,99	(34,30)
27	Ngày 11 tháng 2 năm 2022	14.467.182.497.594	504.500.000	28.676,27	48,28
28	Ngày 14 tháng 2 năm 2022	14.086.668.413.483	504.300.000	27.933,11	(743,16)
29	Ngày 15 tháng 2 năm 2022	14.248.755.118.258	504.500.000	28.243,32	310,21
30	Ngày 16 tháng 2 năm 2022	14.294.434.919.155	504.400.000	28.339,48	96,16
31	Ngày 17 tháng 2 năm 2022	14.466.336.262.047	504.400.000	28.680,28	340,80
32	Ngày 18 tháng 2 năm 2022	14.384.649.914.772	504.600.000	28.507,03	(173,25)
33	Ngày 21 tháng 2 năm 2022	14.412.731.331.507	504.600.000	28.562,68	55,65
34	Ngày 22 tháng 2 năm 2022	14.547.755.032.684	504.000.000	28.864,59	301,91
35	Ngày 23 tháng 2 năm 2022	14.543.530.420.726	501.100.000	29.023,20	158,61
36	Ngày 24 tháng 2 năm 2022	14.424.428.835.928	501.700.000	28.751,10	(272,10)
37	Ngày 25 tháng 2 năm 2022	14.546.105.683.102	503.200.000	28.907,20	156,10
38	Ngày 28 tháng 2 năm 2022	14.440.075.917.226	503.200.000	28.696,49	(210,71)
39	Ngày 1 tháng 3 năm 2022	14.612.310.274.015	508.300.000	28.747,41	50,92



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
40	Ngày 2 tháng 3 năm 2022	14.692.637.324.925	520.800.000	28.211,66	(535,75)
41	Ngày 3 tháng 3 năm 2022	14.888.267.639.965	521.000.000	28.576,32	364,66
42	Ngày 4 tháng 3 năm 2022	14.920.792.750.677	519.800.000	28.704,87	128,55
43	Ngày 7 tháng 3 năm 2022	14.764.570.229.820	518.600.000	28.470,05	(234,82)
44	Ngày 8 tháng 3 năm 2022	14.559.249.994.179	517.500.000	28.133,81	(336,24)
45	Ngày 9 tháng 3 năm 2022	14.454.590.545.383	511.200.000	28.275,80	141,99
46	Ngày 10 tháng 3 năm 2022	14.410.445.044.970	511.100.000	28.194,96	(80,84)
47	Ngày 11 tháng 3 năm 2022	14.228.923.622.285	509.100.000	27.949,17	(245,79)
48	Ngày 14 tháng 3 năm 2022	14.043.592.302.510	509.100.000	27.585,13	(364,04)
49	Ngày 15 tháng 3 năm 2022	14.092.575.889.894	507.400.000	27.774,09	188,96
50	Ngày 16 tháng 3 năm 2022	14.016.525.142.250	503.300.000	27.849,24	75,15
51	Ngày 17 tháng 3 năm 2022	13.980.068.257.850	501.300.000	27.887,62	38,38
52	Ngày 18 tháng 3 năm 2022	14.032.618.278.073	500.100.000	28.059,62	172,00
53	Ngày 21 tháng 3 năm 2022	14.304.341.768.569	503.600.000	28.404,17	344,55
54	Ngày 22 tháng 3 năm 2022	14.428.943.330.918	503.600.000	28.651,59	247,42
55	Ngày 23 tháng 3 năm 2022	14.496.088.758.856	507.600.000	28.558,09	(93,50)
56	Ngày 24 tháng 3 năm 2022	14.677.801.753.121	511.500.000	28.695,60	137,51
57	Ngày 25 tháng 3 năm 2022	14.740.172.382.440	511.200.000	28.834,45	138,85
58	Ngày 28 tháng 3 năm 2022	14.963.536.461.780	516.200.000	28.987,86	153,41
59	Ngày 29 tháng 3 năm 2022	15.308.010.566.388	516.200.000	29.655,19	667,33
60	Ngày 30 tháng 3 năm 2022	15.271.824.137.459	515.200.000	29.642,51	(12,68)
61	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	15.486.009.740.868	517.700.000	29.913,09	270,58
62	Ngày 1 tháng 4 năm 2022	16.067.667.169.299	518.800.000	30.970,83	1.057,74
63	Ngày 4 tháng 4 năm 2022	16.005.338.986.880	520.100.000	30.773,58	(197,25)
64	Ngày 5 tháng 4 năm 2022	16.104.407.453.116	526.200.000	30.605,10	(168,48)
65	Ngày 6 tháng 4 năm 2022	16.456.959.578.885	529.000.000	31.109,56	504,46
66	Ngày 7 tháng 4 năm 2022	16.252.212.941.866	529.000.000	30.722,51	(387,05)
67	Ngày 8 tháng 4 năm 2022	15.954.376.317.837	529.000.000	30.159,50	(563,01)
68	Ngày 12 tháng 4 năm 2022	15.865.541.958.151	531.600.000	29.844,88	(314,62)
69	Ngày 13 tháng 4 năm 2022	16.299.350.291.950	534.100.000	30.517,41	672,53
70	Ngày 14 tháng 4 năm 2022	16.396.832.481.809	534.100.000	30.699,92	182,51
71	Ngày 15 tháng 4 năm 2022	16.274.088.362.436	534.300.000	30.458,70	(241,22)
72	Ngày 18 tháng 4 năm 2022	16.246.804.409.838	534.600.000	30.390,58	(68,12)
73	Ngày 19 tháng 4 năm 2022	15.838.048.659.369	535.500.000	29.576,18	(814,40)
74	Ngày 20 tháng 4 năm 2022	15.729.400.266.673	536.500.000	29.318,54	(257,64)
75	Ngày 21 tháng 4 năm 2022	15.751.569.948.794	537.800.000	29.288,89	(29,65)
76	Ngày 22 tháng 4 năm 2022	15.689.953.696.940	539.000.000	29.109,37	(179,52)
77	Ngày 25 tháng 4 năm 2022	14.754.813.801.553	541.800.000	27.232,95	(1.876,42)
78	Ngày 26 tháng 4 năm 2022	15.178.185.470.539	544.500.000	27.875,45	642,50
79	Ngày 27 tháng 4 năm 2022	15.232.248.323.721	547.700.000	27.811,29	(64,16)





**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
80	Ngày 28 tháng 4 năm 2022	15.319.146.187.970	547.700.000	27.969,95	158,66
81	Ngày 29 tháng 4 năm 2022	15.607.663.804.825	547.700.000	28.496,73	526,78
82	Ngày 1 tháng 5 năm 2022	15.606.408.949.970	547.700.000	28.494,44	(2,29)
83	Ngày 4 tháng 5 năm 2022	15.435.160.677.994	547.700.000	28.181,77	(312,67)
84	Ngày 5 tháng 5 năm 2022	15.501.874.452.117	547.700.000	28.303,58	121,81
85	Ngày 6 tháng 5 năm 2022	15.159.174.567.147	547.700.000	27.677,87	(625,71)
86	Ngày 9 tháng 5 năm 2022	14.230.402.794.450	547.700.000	25.982,11	(1.695,76)
87	Ngày 10 tháng 5 năm 2022	14.740.030.797.162	549.800.000	26.809,80	827,69
88	Ngày 11 tháng 5 năm 2022	15.190.171.437.795	553.100.000	27.463,69	653,89
89	Ngày 12 tháng 5 năm 2022	14.362.781.338.097	555.000.000	25.878,88	(1.584,81)
90	Ngày 13 tháng 5 năm 2022	13.572.593.882.006	555.000.000	24.455,12	(1.423,76)
91	Ngày 16 tháng 5 năm 2022	14.061.129.778.576	581.300.000	24.189,11	(266,01)
92	Ngày 17 tháng 5 năm 2022	15.012.343.695.170	583.100.000	25.745,74	1.556,63
93	Ngày 18 tháng 5 năm 2022	15.213.893.776.396	588.900.000	25.834,42	88,68
94	Ngày 19 tháng 5 năm 2022	15.288.764.171.127	592.600.000	25.799,46	(34,96)
95	Ngày 20 tháng 5 năm 2022	15.445.864.506.072	593.900.000	26.007,51	208,05
96	Ngày 23 tháng 5 năm 2022	15.208.240.290.428	598.100.000	25.427,58	(579,93)
97	Ngày 24 tháng 5 năm 2022	15.608.257.286.811	602.400.000	25.910,12	482,54
98	Ngày 25 tháng 5 năm 2022	16.476.907.089.591	604.300.000	27.266,10	1.355,98
99	Ngày 26 tháng 5 năm 2022	16.514.988.253.773	604.200.000	27.333,64	67,54
100	Ngày 27 tháng 5 năm 2022	17.502.856.108.405	612.700.000	28.566,76	1.233,12
101	Ngày 30 tháng 5 năm 2022	17.713.314.150.568	616.900.000	28.713,42	146,66
102	Ngày 31 tháng 5 năm 2022	18.590.449.192.488	660.300.000	28.154,54	(558,88)
103	Ngày 1 tháng 6 năm 2022	19.033.796.808.584	669.300.000	28.438,36	283,82
104	Ngày 2 tháng 6 năm 2022	19.107.601.088.889	670.800.000	28.484,79	46,43
105	Ngày 3 tháng 6 năm 2022	19.308.779.657.799	670.200.000	28.810,47	325,68
106	Ngày 6 tháng 6 năm 2022	19.284.242.439.363	670.000.000	28.782,45	(28,02)
107	Ngày 7 tháng 6 năm 2022	19.512.940.431.378	672.400.000	29.019,84	237,39
108	Ngày 8 tháng 6 năm 2022	20.080.254.361.409	682.700.000	29.412,99	393,15
109	Ngày 9 tháng 6 năm 2022	20.052.586.915.856	683.800.000	29.325,22	(87,77)
110	Ngày 10 tháng 6 năm 2022	19.451.423.456.067	685.700.000	28.367,25	(957,97)
111	Ngày 13 tháng 6 năm 2022	18.370.500.590.639	687.400.000	26.724,61	(1.642,64)
112	Ngày 14 tháng 6 năm 2022	18.682.370.894.984	687.600.000	27.170,40	445,79
113	Ngày 15 tháng 6 năm 2022	18.619.710.418.377	681.900.000	27.305,63	135,23
114	Ngày 16 tháng 6 năm 2022	19.196.778.537.519	681.900.000	28.151,89	846,26
115	Ngày 17 tháng 6 năm 2022	18.864.507.123.120	680.900.000	27.705,25	(446,64)
116	Ngày 20 tháng 6 năm 2022	18.218.301.588.481	680.500.000	26.771,93	(933,32)
117	Ngày 21 tháng 6 năm 2022	17.988.763.371.465	681.100.000	26.411,33	(360,60)
118	Ngày 22 tháng 6 năm 2022	17.766.554.732.423	683.600.000	25.989,69	(421,64)
119	Ngày 23 tháng 6 năm 2022	18.416.211.232.311	687.600.000	26.783,32	793,63



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
120	Ngày 24 tháng 6 năm 2022	18.433.297.533.983	689.700.000	26.726,54	(56,78)
121	Ngày 27 tháng 6 năm 2022	18.738.258.556.845	690.200.000	27.149,02	422,48
122	Ngày 28 tháng 6 năm 2022	19.176.402.666.092	690.800.000	27.759,70	610,68
123	Ngày 29 tháng 6 năm 2022	19.186.405.505.520	691.400.000	27.750,08	(9,62)
124	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	18.782.035.010.521	691.700.000	27.153,44	(596,64)
125	Ngày 1 tháng 7 năm 2022	18.838.689.623.472	692.100.000	27.219,60	66,16
126	Ngày 4 tháng 7 năm 2022	18.796.214.881.395	698.600.000	26.905,54	(314,06)
127	Ngày 5 tháng 7 năm 2022	18.491.526.031.686	698.600.000	26.469,40	(436,14)
128	Ngày 6 tháng 7 năm 2022	17.967.528.017.962	699.400.000	25.689,91	(779,49)
129	Ngày 7 tháng 7 năm 2022	18.149.183.493.883	699.600.000	25.942,22	252,31
130	Ngày 8 tháng 7 năm 2022	18.115.162.208.778	695.700.000	26.038,75	96,53
131	Ngày 11 tháng 7 năm 2022	17.654.973.606.475	693.600.000	25.454,11	(584,64)
132	Ngày 12 tháng 7 năm 2022	17.912.569.483.411	693.200.000	25.840,40	386,29
133	Ngày 13 tháng 7 năm 2022	17.845.957.736.515	692.700.000	25.762,89	(77,51)
134	Ngày 14 tháng 7 năm 2022	17.870.862.597.466	692.700.000	25.798,84	35,95
135	Ngày 15 tháng 7 năm 2022	17.614.868.461.501	686.700.000	25.651,47	(147,37)
136	Ngày 18 tháng 7 năm 2022	17.569.969.582.606	683.700.000	25.698,36	46,89
137	Ngày 19 tháng 7 năm 2022	17.236.493.051.015	674.700.000	25.546,89	(151,47)
138	Ngày 20 tháng 7 năm 2022	17.558.433.681.462	674.300.000	26.039,49	492,60
139	Ngày 21 tháng 7 năm 2022	17.701.583.192.396	673.100.000	26.298,59	259,10
140	Ngày 22 tháng 7 năm 2022	17.678.587.167.820	671.700.000	26.319,17	20,58
141	Ngày 25 tháng 7 năm 2022	17.466.863.865.456	671.100.000	26.027,21	(291,96)
142	Ngày 26 tháng 7 năm 2022	17.323.925.831.784	671.100.000	25.814,22	(212,99)
143	Ngày 27 tháng 7 năm 2022	17.332.825.283.926	671.100.000	25.827,48	13,26
144	Ngày 28 tháng 7 năm 2022	17.474.110.819.907	671.100.000	26.038,01	210,53
145	Ngày 29 tháng 7 năm 2022	17.391.034.899.779	671.100.000	25.914,22	(123,79)
146	Ngày 1 tháng 8 năm 2022	17.656.739.494.905	671.000.000	26.314,06	399,84
147	Ngày 2 tháng 8 năm 2022	17.736.319.156.372	670.300.000	26.460,27	146,21
148	Ngày 3 tháng 8 năm 2022	17.772.601.722.625	670.000.000	26.526,27	66,00
149	Ngày 4 tháng 8 năm 2022	17.612.282.104.440	660.700.000	26.657,00	130,73
150	Ngày 5 tháng 8 năm 2022	17.442.831.323.772	655.400.000	26.614,02	(42,98)
151	Ngày 8 tháng 8 năm 2022	17.354.409.089.155	647.000.000	26.822,88	208,86
152	Ngày 9 tháng 8 năm 2022	17.337.933.146.830	645.300.000	26.868,01	45,13
153	Ngày 10 tháng 8 năm 2022	17.280.992.387.229	644.500.000	26.813,02	(54,99)
154	Ngày 11 tháng 8 năm 2022	17.112.758.600.740	644.000.000	26.572,60	(240,42)
155	Ngày 12 tháng 8 năm 2022	17.165.512.383.080	644.000.000	26.654,52	81,92
156	Ngày 15 tháng 8 năm 2022	17.482.631.726.600	643.600.000	27.163,81	509,29
157	Ngày 16 tháng 8 năm 2022	17.486.699.789.560	642.400.000	27.220,89	57,08
158	Ngày 17 tháng 8 năm 2022	17.428.486.111.007	642.000.000	27.147,17	(73,72)
159	Ngày 18 tháng 8 năm 2022	17.387.704.396.824	642.200.000	27.075,21	(71,96)



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
160	Ngày 19 tháng 8 năm 2022	17.297.685.672.636	642.200.000	26.935,04	(140,17)
161	Ngày 22 tháng 8 năm 2022	17.382.431.239.790	642.200.000	27.067,00	131,96
162	Ngày 23 tháng 8 năm 2022	17.424.048.884.488	641.000.000	27.182,60	115,60
163	Ngày 24 tháng 8 năm 2022	17.516.143.270.188	640.600.000	27.343,33	160,73
164	Ngày 25 tháng 8 năm 2022	17.670.127.242.785	640.600.000	27.583,71	240,38
165	Ngày 26 tháng 8 năm 2022	17.805.508.033.502	640.500.000	27.799,38	215,67
166	Ngày 29 tháng 8 năm 2022	17.697.253.484.074	639.500.000	27.673,57	(125,81)
167	Ngày 30 tháng 8 năm 2022	17.599.838.594.705	638.300.000	27.572,98	(100,59)
168	Ngày 31 tháng 8 năm 2022	17.699.156.871.708	637.900.000	27.745,97	172,99
169	Ngày 1 tháng 9 năm 2022	17.697.151.193.044	637.900.000	27.742,82	(3,15)
170	Ngày 5 tháng 9 năm 2022	17.563.037.059.355	638.000.000	27.528,27	(214,55)
171	Ngày 6 tháng 9 năm 2022	17.549.626.604.525	637.200.000	27.541,78	13,51
172	Ngày 7 tháng 9 năm 2022	17.057.808.558.526	636.600.000	26.795,17	(746,61)
173	Ngày 8 tháng 9 năm 2022	17.007.102.481.636	636.200.000	26.732,32	(62,85)
174	Ngày 9 tháng 9 năm 2022	17.127.420.629.210	636.200.000	26.921,44	189,12
175	Ngày 12 tháng 9 năm 2022	17.199.057.120.403	636.600.000	27.017,05	95,61
176	Ngày 13 tháng 9 năm 2022	17.207.391.562.124	635.700.000	27.068,41	51,36
177	Ngày 14 tháng 9 năm 2022	17.027.890.886.385	633.600.000	26.874,82	(193,59)
178	Ngày 15 tháng 9 năm 2022	17.009.195.531.091	633.200.000	26.862,27	(12,55)
179	Ngày 16 tháng 9 năm 2022	16.742.922.039.619	631.100.000	26.529,74	(332,53)
180	Ngày 19 tháng 9 năm 2022	16.390.867.339.531	628.600.000	26.075,19	(454,55)
181	Ngày 20 tháng 9 năm 2022	16.542.575.383.704	628.300.000	26.329,10	253,91
182	Ngày 21 tháng 9 năm 2022	16.308.014.568.224	626.300.000	26.038,66	(290,44)
183	Ngày 22 tháng 9 năm 2022	16.329.244.073.173	625.000.000	26.126,79	88,13
184	Ngày 23 tháng 9 năm 2022	16.175.885.661.956	624.200.000	25.914,58	(212,21)
185	Ngày 26 tháng 9 năm 2022	15.718.264.481.213	623.400.000	25.213,77	(700,81)
186	Ngày 27 tháng 9 năm 2022	15.675.493.414.140	623.200.000	25.153,23	(60,54)
187	Ngày 28 tháng 9 năm 2022	15.394.667.191.166	623.200.000	24.702,61	(450,62)
188	Ngày 29 tháng 9 năm 2022	15.256.504.359.398	622.700.000	24.500,56	(202,05)
189	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	15.284.441.004.008	622.400.000	24.557,26	56,70
190	Ngày 1 tháng 10 năm 2022	15.283.574.610.598	622.400.000	24.555,87	(1,39)
191	Ngày 3 tháng 10 năm 2022	14.472.196.316.399	623.300.000	23.218,66	(1.337,21)
192	Ngày 4 tháng 10 năm 2022	14.541.906.801.058	625.800.000	23.237,30	18,64
193	Ngày 5 tháng 10 năm 2022	14.928.596.412.927	628.900.000	23.737,63	500,33
194	Ngày 6 tháng 10 năm 2022	14.535.226.629.322	633.400.000	22.947,94	(789,69)
195	Ngày 7 tháng 10 năm 2022	13.996.837.628.983	637.000.000	21.973,05	(974,89)
196	Ngày 10 tháng 10 năm 2022	14.267.054.031.832	641.700.000	22.233,21	260,16
197	Ngày 11 tháng 10 năm 2022	13.852.054.455.559	644.600.000	21.489,38	(743,83)
198	Ngày 12 tháng 10 năm 2022	14.321.915.768.611	646.000.000	22.170,14	680,76
199	Ngày 13 tháng 10 năm 2022	14.482.709.772.361	647.300.000	22.374,03	203,89



**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND
200	Ngày 14 tháng 10 năm 2022	14.755.062.259.845	647.300.000	22.794,78	420,75
201	Ngày 17 tháng 10 năm 2022	14.718.870.134.754	648.600.000	22.693,29	(101,49)
202	Ngày 18 tháng 10 năm 2022	14.830.527.388.908	648.500.000	22.868,97	175,68
203	Ngày 19 tháng 10 năm 2022	14.934.231.863.770	651.600.000	22.919,32	50,35
204	Ngày 20 tháng 10 năm 2022	15.048.515.141.492	655.100.000	22.971,32	52,00
205	Ngày 21 tháng 10 năm 2022	14.412.347.847.674	657.500.000	21.919,92	(1.051,40)
206	Ngày 24 tháng 10 năm 2022	13.856.873.888.804	658.200.000	21.052,67	(867,25)
207	Ngày 25 tháng 10 năm 2022	14.104.103.719.527	657.800.000	21.441,32	388,65
208	Ngày 26 tháng 10 năm 2022	14.204.244.679.988	657.700.000	21.596,84	155,52
209	Ngày 27 tháng 10 năm 2022	14.764.991.107.121	659.200.000	22.398,34	801,50
210	Ngày 28 tháng 10 năm 2022	14.810.420.703.471	659.400.000	22.460,44	62,10
211	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	14.739.043.391.170	659.400.000	22.352,20	(108,24)
212	Ngày 1 tháng 11 năm 2022	14.866.429.975.402	664.400.000	22.375,72	23,52
213	Ngày 2 tháng 11 năm 2022	14.788.080.718.620	671.100.000	22.035,58	(340,14)
214	Ngày 3 tháng 11 năm 2022	14.870.606.067.088	671.100.000	22.158,55	122,97
215	Ngày 4 tháng 11 năm 2022	14.307.565.108.413	671.100.000	21.319,57	(838,98)
216	Ngày 7 tháng 11 năm 2022	13.939.850.049.844	671.100.000	20.771,64	(547,93)
217	Ngày 8 tháng 11 năm 2022	14.135.680.924.040	671.100.000	21.063,44	291,80
218	Ngày 9 tháng 11 năm 2022	14.146.371.252.033	671.100.000	21.079,37	15,93
219	Ngày 10 tháng 11 năm 2022	13.591.492.187.424	671.100.000	20.252,55	(826,82)
220	Ngày 11 tháng 11 năm 2022	13.812.773.291.909	676.200.000	20.427,05	174,50
221	Ngày 14 tháng 11 năm 2022	13.595.782.235.192	683.700.000	19.885,59	(541,46)
222	Ngày 15 tháng 11 năm 2022	12.973.586.070.004	690.000.000	18.802,29	(1.083,30)
223	Ngày 16 tháng 11 năm 2022	13.812.569.509.016	696.900.000	19.820,01	1.017,72
224	Ngày 17 tháng 11 năm 2022	14.342.358.464.627	705.100.000	20.340,88	520,87
225	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	14.494.520.422.556	710.500.000	20.400,45	59,57
226	Ngày 21 tháng 11 năm 2022	14.467.444.558.901	715.000.000	20.234,18	(166,27)
227	Ngày 22 tháng 11 năm 2022	14.589.518.737.897	720.400.000	20.251,96	17,78
228	Ngày 23 tháng 11 năm 2022	14.726.551.535.318	724.100.000	20.337,73	85,77
229	Ngày 24 tháng 11 năm 2022	14.758.583.344.028	729.200.000	20.239,41	(98,32)
230	Ngày 25 tháng 11 năm 2022	15.223.590.179.673	739.100.000	20.597,47	358,06
231	Ngày 28 tháng 11 năm 2022	15.926.980.222.094	743.100.000	21.433,15	835,68
232	Ngày 29 tháng 11 năm 2022	16.309.251.750.557	746.900.000	21.835,92	402,77
233	Ngày 30 tháng 11 năm 2022	16.738.881.603.182	753.900.000	22.203,05	367,13
234	Ngày 1 tháng 12 năm 2022	17.063.323.453.765	765.000.000	22.304,99	101,94
235	Ngày 2 tháng 12 năm 2022	17.982.443.176.280	772.700.000	23.272,21	967,22
236	Ngày 5 tháng 12 năm 2022	18.310.651.562.698	776.400.000	23.584,04	311,83
237	Ngày 6 tháng 12 năm 2022	17.662.210.566.307	785.200.000	22.493,90	(1.090,14)
238	Ngày 7 tháng 12 năm 2022	17.620.209.332.369	790.800.000	22.281,49	(212,41)
239	Ngày 8 tháng 12 năm 2022	18.124.388.064.532	793.200.000	22.849,70	568,21





**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B06 – ETF***(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND
240	Ngày 9 tháng 12 năm 2022	18.390.058.365.312	798.400.000	23.033,64	183,94
241	Ngày 12 tháng 12 năm 2022	18.153.305.813.194	799.400.000	22.708,66	(324,98)
242	Ngày 13 tháng 12 năm 2022	18.416.272.416.975	800.200.000	23.014,58	305,92
243	Ngày 14 tháng 12 năm 2022	18.398.798.240.359	800.500.000	22.984,13	(30,45)
244	Ngày 15 tháng 12 năm 2022	18.669.856.642.756	800.900.000	23.311,09	326,96
245	Ngày 16 tháng 12 năm 2022	18.707.713.287.058	800.900.000	23.358,36	47,27
246	Ngày 19 tháng 12 năm 2022	18.451.192.120.566	800.900.000	23.038,07	(320,29)
247	Ngày 20 tháng 12 năm 2022	18.197.412.460.932	806.800.000	22.555,04	(483,03)
248	Ngày 21 tháng 12 năm 2022	18.117.038.826.707	804.300.000	22.525,22	(29,82)
249	Ngày 22 tháng 12 năm 2022	18.192.290.756.858	801.800.000	22.689,31	164,09
250	Ngày 23 tháng 12 năm 2022	18.132.231.082.728	801.800.000	22.614,40	(74,91)
251	Ngày 26 tháng 12 năm 2022	17.367.285.849.748	801.800.000	21.660,37	(954,03)
252	Ngày 27 tháng 12 năm 2022	17.671.048.477.982	801.800.000	22.039,22	378,85
253	Ngày 28 tháng 12 năm 2022	17.814.224.916.662	805.100.000	22.126,72	87,50
254	Ngày 29 tháng 12 năm 2022	17.917.010.906.703	807.600.000	22.185,50	58,78
255	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	18.083.580.873.093	809.700.000	22.333,68	148,18
256	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	18.083.580.873.093	809.700.000	22.333,68	-
	• Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	16.002.194.988.371	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
	• Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(1.876,42)
	• Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(2,29)

11/21 12/21 1/22



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 22. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

#### (a) Các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

#### (i) *Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ*

	2023 VND	2022 VND
Phí quản lý Quỹ	150.577.829.773	128.024.481.216

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ (không chịu thuế GTGT) là 0,80% mỗi năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ báo cáo để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### (ii) *Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ*

	2023 VND	2022 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 20)	117.000.000	116.000.000

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (b) Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng Giám sát

	2023 VND	2022 VND
Phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 18)	3.764.445.747	3.200.612.035
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 18)	60.400.000	42.000.000
Phí dịch vụ giám sát tài sản	8.281.780.632	7.041.346.461
Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	4.140.890.323	3.520.673.237
Phí ngân hàng	10.668.782	38.984.171
Lãi tiền gửi ngân hàng	355.897.157	303.449.692

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị Quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Lưu ký chứng khoán (không chịu thuế GTGT)	▪ Tối đa 0,02% NAV mỗi năm.
Giám sát tài sản (chưa bao gồm thuế GTGT)	▪ Tối đa 0,06% NAV mỗi năm.
Quản trị Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT)	▪ Tối đa 0,03% NAV mỗi năm.

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Quỹ sẽ phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát chi phí giao dịch chứng khoán là 100.000 VND cho mỗi giao dịch.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 23. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ

	2023	2022
1 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm (%)	1,04%	1,09%
2 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/(NAV trung bình trong năm) (%)	27,55%	18,75%

### 24. Số lượng chứng khoán đang nắm giữ hộ nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư

Mã cổ phiếu	31/12/2023 Số cổ phiếu	31/12/2022 Số cổ phiếu
ACB	33.000	-
FPT	15.717	-
MBB	54.300	-
PNJ	17.767	-
TCB	43.200	-
VIB	26.400	-

### 25. Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này ở Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ cơ quan thuế này đến cơ quan thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm nộp thuế. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng họ đã xác định đầy đủ nghĩa vụ thuế phải trả dựa trên diễn giải của họ về luật thuế bao gồm các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### 26. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- rủi ro hoạt động.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ chủ yếu bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN DIAMOND có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

#### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là không đáng kể.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

#### (b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.



## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu là chứng khoán của các công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các chứng khoán này có tỷ lệ tự do chuyển nhượng và khả năng thanh khoản cao. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Chi phí phải trả	199.500.000	199.500.000	199.500.000
Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	13.836.703.250	13.836.703.250	13.836.703.250
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	24.002.907.799	24.002.907.799	24.002.907.799
	38.039.111.049	38.039.111.049	38.039.111.049
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	105.397.620.000	105.397.620.000	105.397.620.000
Chi phí phải trả	267.487.265	267.487.265	267.487.265
Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ	8.988.489.100	8.988.489.100	8.988.489.100
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	23.191.815.201	23.191.815.201	23.191.815.201
	137.845.411.566	137.845.411.566	137.845.411.566

### (c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### (i) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

#### (ii) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (iii) **Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 17.263.333.319.150 VND (31/12/2022: 17.985.183.516.500 VND). Trong năm 2023, tỷ lệ biến động giữa ngày có chỉ số VN DIAMOND cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 27,36% (năm 2022: tỷ lệ biến động giữa ngày có chỉ số VN DIAMOND cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 67%). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 27,36% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 67%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 4.723.247.996.119 VND (31/12/2022: 12.050.072.956.055 VND).

### (d) **Rủi ro hoạt động**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số VN DIAMOND và Công ty quản lý Quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu càng thấp càng tốt.

Trong quá trình hoạt động, Quỹ có thể phát sinh sai lệch do Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số VN DIAMOND do hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cơ cấu lại danh mục của chỉ số tham chiếu VN DIAMOND theo định kỳ ba tháng/một lần. Theo quy định hiện hành, trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu liên tục trong ba tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó, nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ sẽ không thể thực hiện việc mua bán chứng chỉ quỹ.





**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF  
(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

(e)	Giá trị hợp lý	31/12/2023		31/12/2022	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
(i)	<b>Số sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ</b>				
	Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:				
	<b>Tài sản tài chính</b>				
	<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:</i>				
	Các khoản đầu tư	17.263.333.319.150	17.263.333.319.150	17.985.183.516.500	17.985.183.516.500
	<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	22.225.901.806	22.225.901.806	219.740.527.959	219.740.527.959
	Phải thu về bán các khoản đầu tư	13.837.903.250	13.837.903.250	16.502.240.200	16.502.240.200
	Các khoản phải thu khác	36.799.980	36.799.980	-	-
	<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
	<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
	Phải trả về mua các khoản đầu tư	(199.500.000)	(199.500.000)	(105.397.620.000)	(105.397.620.000)
	Chi phí phải trả	-	-	(267.487.265)	(267.487.265)
	Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi chứng chỉ quỹ	(13.836.703.250)	(13.836.703.250)	(8.988.489.100)	(8.988.489.100)
	Phải trả cho nhà đầu tư về hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	(24.002.907.799)	(24.002.907.799)	-	-
	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF			(23.191.815.201)	(23.191.815.201)

## QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B06 – ETF

(Ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC  
ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

### (ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

## 27. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 8 tháng 3 năm 2024.

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Bà Vương Thị Trâm Anh  
Kế toán quỹ

Bà Ninh Thị Tuệ Minh  
Trưởng phòng Kế toán quỹ



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc





